TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14/9/2022
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Dẫm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Nguyên;

2. Ông Huỳnh Thanh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Phước Tín, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 226/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2022/QĐXXST-HN ngày 03 tháng 8 năm 2022 và quyết định Hoãn phiên toà số 78/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1982; Địa chỉ: Đường Đ, thị trấn L, huyện L, tỉnh Kiên Giang; có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Diệp Vũ N, sinh năm 1983; Địa chỉ: Khóm L, phường S, thị xã T, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Ngọc H trình bày: Hôn nhân giữa chị H và anh N do tự tìm hiểu, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống hạnh phúc đến khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau cách nay khoảng 16 năm. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống đến nay tình cảm không còn nên chị H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Diệp Vũ N.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị H và anh N có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Ngọc Tuyết B, sinh ngày 13/09/2001 (đã trưởng thành) và Nguyễn Duy N, sinh ngày 30/11/2005. Hiện cháu N đang sống với cha là anh N. Khi ly hôn, chị H đồng ý giao cháu N Duy N cho anh N được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị H Không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Băng đã trưởng thành, chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án số 491/TB-TLVA ngày 24/5/2022 cho anh Nguyễn Diệp Vũ N biết về việc chị Nguyễn Ngọc H khởi kiện ly hôn với anh N tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang nhưng đến nay Tòa án không nhận được văn bản ý kiến của anh N đối với yêu cầu của chị H và các tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có) của anh N gửi cho Tòa án.

Tòa án đã ra thông báo mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N vắng mặt theo các lần triệu tập của Tòa án nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tòa án không tiến hành hòa giải về tình cảm do chị H và anh N không đăng ký kết hôn.

Tại phiên tòa, anh N vắng mặt, chị H giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh N.

Hội đồng xét xử công bố kết quả xác nhận tình trạng hôn nhân của Uỷ ban nhân dân phường S, thị xã T, tỉnh An Giang ngày 24/6/2022 và Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Kiên Giang ngày 25/7/2022 về việc chị H và anh N không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thị xã T, tỉnh An Giang và Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Kiên Giang.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 97, Điều 191, Điều 195, Điều 196 và Điều 203 BLTTDS năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc H và bị đơn anh Nguyễn Diệp Vũ N thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ giữa chị Nguyễn Ngọc H và bị đơn anh Nguyễn Diệp Vũ N xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu đi đến chung sống nhau như vợ chồng năm 2000, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn theo quy

định pháp luật. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau đến nay đã 16 năm, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Xét thấy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Ngọc H và anh Nguyễn Diệp Vũ N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó, có cơ sở không công nhận chị Nguyễn Ngọc H và anh Nguyễn Diệp Vũ N là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị H và anh N có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Ngọc Tuyết B, sinh ngày 13/09/2001 (đã trưởng thành) và Nguyễn Duy N, sinh ngày 30/11/2005. Hiện cháu N đang sống với cha là anh N. Khi ly hôn, chị H đồng ý giao cháu N Duy N cho anh N được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị H Không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, Không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Ngọc H và anh Nguyễn Diệp Vũ N.

- *Về nuôi con chung:* Có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Ngọc Tuyết B, sinh ngày 13/09/2001 (đã trưởng thành và lao động được). Nên không đặt ra xem xét giải quyết. Cháu N Duy N, sinh ngày 30/11/2005. Hiện cháu N đang sống với cha là anh N. Khi ly hôn, chị H đồng ý giao cháu N Duy N cho anh N được tiếp tục nuôi dưỡng và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N sống với cha khi cha, mẹ ly hôn. Chị H Không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về án phí:* Đương sự phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Diệp Vũ N có nơi cư trú: Khóm L, phường S, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Diệp Vũ N được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Vào năm 2001, chị H và anh N tự tìm hiểu, yêu thương nhau và chung sống nhau như vợ chồng, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu, chị H và anh N chung sống hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và không sống chung nhau cách nay 16 năm. Tình cảm giữa chị H và anh N không còn nên chị H yêu cầu ly hôn với anh N.

Theo kết quả xác nhận tình trạng đăng ký kết hôn giữa chị Nguyễn Ngọc H với anh Nguyễn Diệp Vũ N tại Uỷ ban nhân dân phường S, thị xã T, tỉnh An Giang và Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Kiên Giang, được biết chị H và anh N không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại nơi cư trú trên.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng*".

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này*".

Chị H và anh N chung sống với nhau có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Xét, không công nhận chị H và anh N là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống chị H và anh N có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Ngọc Tuyết B, sinh ngày 13/09/2001 (đã trưởng thành và lao động được) nên Hội đồng xét xử không đề cặp đến. Cháu N Duy N, sinh ngày 30/11/2005. Hiện cháu N đang sống với cha là anh N. Khi ly hôn, chị H đồng ý giao cháu N Duy N cho anh N được tiếp tục nuôi dưỡng và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N sống với cha khi cha, mẹ ly hôn. Chị H Không phải cấp dưỡng nuôi con. HĐXX, chấp nhận anh N được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N Duy N cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động được. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Diệp Vũ N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Nguyễn Ngọc H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên Hôi đồng xét xử không đề cập đến. Nếu sau này giữa chị H và anh N có phát sinh tranh chấp tài sản chung thì giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phi đã nộp. Anh N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Ngọc H và anh Nguyễn Diệp Vũ N là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Ngọc H và anh Nguyễn Diệp Vũ N có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Ngọc Tuyết B, sinh ngày 13/09/2001 (đã trưởng thành và lao động được). Cháu N Duy N, sinh ngày 30/11/2005. Hiện cháu N Duy N đang sống với cha là anh Nguyễn Diệp Vũ N. Anh Nguyễn Diệp Vũ N được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N Duy N đến khi con trưởng thành và lao động được. Chị H Không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Diệp Vũ N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Nguyễn Ngọc H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Ngọc H phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai số 0004908 ngày 23 tháng

5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Chị Nguyễn Ngọc H đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Diệp Vũ N không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị H có quyền kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh N là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TX. Tân Châu;
- TAND tỉnh An Giang;
- CC.THADS TX. Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Dẫm